

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – H P**

Bản án số: 67/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05/08/2019
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Ngoan.
2. Ông Đặng Hữu Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 08 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 859/2018/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 07 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp HT, xã HB, huyện CT, tỉnh AG(có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Bảo P, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ 8, ấp BH 2, xã MK, thành phố LX, tỉnh AG(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai cùng ngày 13 tháng 08 năm 2018, trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị Bích H và ông Trần Bảo P tự quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang vào ngày 20 tháng 03 năm 2018. Trong thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung trong cuộc sống; vợ chồng thường xuyên cãi vã và đã ly thân từ tháng 08 năm 2018. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, bà H không còn yêu thương gì đối với ông P nên yêu cầu Tòa án xem xét cho bà được ly hôn với ông P.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, vợ chồng có 01 xe mô tô hiệu Future, mang biển kiểm soát 67C1- 45786, vợ chồng mua trả góp từ năm 2017 giá 31.000.000đ, đã góp được 12 tháng, còn nợ 6 tháng chưa thanh toán 16.158.000đ, xe do ông P quản lý sử dụng nhưng đã cầm cố với giá 13.000.000đ (mười ba triệu đồng). Về tài sản riêng của bà H hiện có 01 xe mô tô hiệu RFX mang biển kiểm soát 67C1-28105, bà H mua năm 2015 với giá 22.000.000đ, xe do ông P chiếm giữ và cầm cố 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Tuy nhiên, bà H yêu cầu được tự thỏa thuận với ông P, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Bảo P vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Bích H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do đi làm ăn xa, khó khăn trong việc đi lại tham dự tại phiên tòa theo đơn đề ngày 17 tháng 05 năm 2019. Do đó, chủ tọa phiên tòa công bố lý do nguyên đơn bà H vắng mặt; bị đơn ông Trần Bảo P vắng mặt lần thứ hai, không có lý do, không có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Long Xuyên:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng: bà Nguyễn Thị Bích H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt thể hiện theo đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 17 tháng 5 năm 2019. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật. Bị đơn ông P vắng mặt không đến Tòa án giải quyết là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của ông và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự: Bà H và ông P đăng ký kết hôn năm 2018. Giữa bà H và ông P phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nhận thấy hôn nhân không H P theo điều 19 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông P là phù hợp quy định tại điều 51, điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung giữa bà H và ông P không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chấp nhận. Về tài sản chung, theo bà H trình bày giữa bà H và ông P có tài sản chung nhưng bà H yêu cầu được tự thỏa thuận với ông P nên không xem xét, về nợ chung không có, không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho ông Trần Bảo P nhưng ông không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P. Riêng bà Nguyễn Thị Bích H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Bích H và ông Trần Bảo P kết hôn năm 2018 trên cơ sở tự nguyện của cả hai, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MK, thành phố LX,

tỉnh AG, theo giấy trích lục kết hôn bản sao số 23/TLKH-BS, ngày 20 tháng 03 năm 2018, kết hôn ngày 20 tháng 03 năm 2018 được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay, bà H và ông P phát sinh mâu thuẫn, bà H xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Sau khi kết hôn vợ chồng sống H P được một thời gian phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, ông P không quan tâm chăm lo cho H P gia đình nên đã ly thân năm 2018 đến nay. Trong thời gian sống chung bà H luôn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, H P gia đình nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

[4] Xét, hôn nhân giữa bà H và ông P mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại H P cho cả hai. Hiện nay, bà H không còn tình cảm với ông P, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn trong cuộc sống và chăm lo H P gia đình. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, ông P vắng mặt, không trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H tức là ông đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của ông đã được pháp luật quy định nên không có căn cứ xét yêu cầu của ông P. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông P.

[5] Về quan hệ con chung, Trong thời gian sống chung vợ chồng bà H và ông P không có con chung, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] Về tài sản chung, bà H xác định giữa bà và ông P có tài sản chung, tài sản riêng của vợ chồng nhưng yêu cầu tự thỏa thuận với ông P nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có nên không xét đến.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H nộp tiền án phí theo quy định pháp luật. Ông P không nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 8, Điều 9, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Khoản 3 Điều 228, Điều 233, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích H được ly hôn với ông Trần Bảo P.

Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích H và ông Trần Bảo P: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích H nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010734, ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Bích Hà và ông Trần Bảo P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của bà H, ông P.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phương